

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 45



Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 5 tháng 8 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản, và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch
Ông Alain Xavier Cany	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên
Bà Hsu Hai Yeh	Thành viên
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên độc lập
Ông Mark Andrew Hutchinson	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng ban
Bà Hsu Hai Yeh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Nguyễn Minh Quang	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2024
Ông Huỳnh Thanh Hải	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2024
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Lê Nguyễn Minh Quang	từ ngày 11 tháng 7 năm 2024
Ông Huỳnh Thanh Hải	đến ngày 10 tháng 7 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 12.3 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN LẠNH**

Lê Nguyễn Minh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11605564-67733269/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đài Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.204.282.600.896	3.410.401.621.849
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.410.284.777.229	1.274.892.147.090
111	1. Tiền		150.917.170.842	68.320.330.853
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.259.367.606.387	1.206.571.816.237
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	12	1.026.751.451.984	915.624.767.005
121	1. Chứng khoán kinh doanh		920.568.800.782	719.447.975.803
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(717.348.798)	(823.208.798)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		106.900.000.000	197.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		746.003.214.648	1.200.312.017.323
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	13.668.559.785	12.753.482.195
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.664.590.031	62.089.768.090
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	557.687.434.172	56.600.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	166.131.230.333	1.071.017.366.711
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(2.148.599.673)	(2.148.599.673)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		21.243.157.035	19.572.690.431
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.408.933.981	2.374.746.441
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.834.223.054	17.197.943.990
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.250.713.524.853	11.874.068.927.473
220	I. Tài sản cố định		15.872.509.094	16.375.923.645
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	9.545.778.743	9.888.192.762
222	Nguyên giá		31.209.741.006	29.302.559.188
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.663.962.263)	(19.414.366.426)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	6.326.730.351	6.487.730.883
228	Nguyên giá		12.054.448.449	12.054.448.449
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.727.718.098)	(5.566.717.566)
230	II. Bất động sản đầu tư	10	1.942.757.375.697	620.322.565.464
231	1. Nguyên giá		2.785.372.624.772	1.436.123.736.041
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(842.615.249.075)	(815.801.170.577)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		30.691.772.691	980.624.651.820
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	30.691.772.691	980.624.651.820
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	10.257.829.221.720	10.252.829.221.720
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.257.829.221.720	10.252.829.221.720
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.562.645.651	3.916.564.824
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.140.491.796	2.430.378.624
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	422.153.855	1.486.186.200
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.454.996.125.749	15.284.470.549.322

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.032.616.291.084	3.004.247.469.164
310	I. Nợ ngắn hạn		275.430.320.893	344.654.009.258
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	98.957.205.450	94.831.699.437
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.011.529.169	1.902.034.508
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.774.969.018	19.984.768.403
314	4. Phải trả người lao động		-	2.416.174.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	73.195.827.456	82.156.563.085
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.454.902.448	165.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	78.035.887.352	72.483.484.111
320	8. Vay ngắn hạn	18	-	70.714.285.714
330	II. Nợ dài hạn		2.757.185.970.191	2.659.593.459.906
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	177.144.254.612	169.506.571.112
338	2. Vay dài hạn	18	2.580.041.715.579	2.490.086.888.794
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.422.379.834.665	12.280.223.080.158
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	12.422.379.834.665	12.280.223.080.158
411	1. Vốn cổ phần		4.710.134.000.000	4.097.142.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.710.134.000.000	4.097.142.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.050.233.348.786	1.050.233.348.786
415	3. Cổ phiếu quỹ		(47.622.230.162)	(47.622.230.162)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		200.979.473.252	200.979.473.252
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.508.655.242.789	6.979.489.888.282
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.957.792.143.282	4.716.748.950.965
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		550.863.099.507	2.262.740.937.317
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.454.996.125.749	15.284.470.549.322



Phạm Thị Ngọc Trang
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng





Nguyễn Minh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	20.1	369.668.438.733	440.715.418.215
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 25	(83.546.179.133)	(132.482.477.485)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		286.122.259.600	308.232.940.730
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	442.347.041.304	1.070.448.959.838
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	(98.612.191.932) (96.424.318.769)	(155.296.276.117) (153.030.904.360)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 25	(45.315.816.938)	(32.957.230.950)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		584.541.292.034	1.190.428.393.501
31	8. Thu nhập khác	24	2.584.160.122	572.178.844
40	9. Lợi nhuận khác		2.584.160.122	572.178.844
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		587.125.452.156	1.191.000.572.345
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(35.198.320.304)	(40.825.396.531)
52	12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(1.064.032.345)	(696.119.151)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		550.863.099.507	1.149.479.056.663




Phạm Thị Ngọc Trang
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng




Lê Nguyễn Minh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		587.125.452.156	1.191.000.572.345
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9, 10	29.224.674.867	73.000.006.355
03	(Hoàn nhập) dự phòng		(105.860.000)	201.134.000
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		218.261.513	2.710.364
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(435.813.295.111)	(1.061.296.848.964)
06	Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	22	98.339.175.173	154.945.760.764
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		278.988.408.598	357.853.334.864
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(13.100.269.473)	85.007.839.931
11	Giảm các khoản phải trả		(1.233.016.548)	(54.997.454.988)
12	Tăng chi phí trả trước		(710.113.172)	(3.129.105.702)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(201.120.824.979)	(143.368.736.034)
14	Tiền lãi vay đã trả		(106.901.846.441)	(161.052.414.520)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(37.824.670.411)	(25.098.841.365)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(81.902.332.426)	55.214.622.186
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(323.799.483.937)	(177.874.589.853)
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và cho vay		(1.395.987.434.172)	(332.700.000.000)
24	Thu tiền gửi có kỳ hạn và thu hồi cho vay		985.000.000.000	423.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.000.000.000)	(123.979.849.065)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	61.700.000.000
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		1.343.980.561.086	808.899.320.286
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		604.193.642.977	659.044.881.368
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	88.039.970.381	95.598.412.246
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(70.714.285.714)	(139.266.507.852)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.2	(404.243.986.100)	(352.029.359.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(386.918.301.433)	(395.697.455.256)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		135.373.009.118	318.562.048.298
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.274.892.147.090	388.129.852.343
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		19.621.021	1.547.108
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	1.410.284.777.229	706.693.447.749



Phạm Thị Ngọc Trang
Người lập



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng

Lê Nguyễn Minh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKKD") số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo GCNĐKKD điều chỉnh mới nhất số 0300741143 ngày 5 tháng 8 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là dịch vụ cơ điện công trình (M&E), sản xuất, lắp ráp và kinh doanh hệ thống điều hoà không khí, phát triển, quản lý bất động sản và đầu tư chiến lược ngành cơ sở hạ tầng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 Đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 43 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 47 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 12.3 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Công ty trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là chi phí phát sinh để có được quyền sử dụng và được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 8 năm 2007.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm vi tính	3 năm
Tài sản Khác	5 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao hoặc hao mòn được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao hoặc hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại, cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

• *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

• *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán Điện, thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu khoản đầu tư đã được chuyển sang người mua.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	58.693.029	55.385.919
Tiền gửi ngân hàng	150.858.477.813	68.264.944.934
Các khoản tương đương tiền (*)	1.259.367.606.387	1.206.571.816.237
TỔNG CỘNG	1.410.284.777.229	1.274.892.147.090

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 3,2%/năm đến 6,0%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLS	4.468.847.198	3.240.350.599
Công ty TNHH Dịch vụ Bất động sản D&P	1.467.685.718	1.418.053.032
Khách hàng khác	7.732.026.869	8.095.078.564
TỔNG CỘNG	13.668.559.785	12.753.482.195
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.148.599.673)	(2.148.599.673)
GIÁ TRỊ THUẦN	11.519.960.112	10.604.882.522
Trong đó:		
<i>Phải thu các bên khác</i>	10.922.371.971	9.063.757.325
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	2.746.187.814	3.689.724.870

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vào ngày 1 tháng 1	2.148.599.673	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Vào ngày 30 tháng 6	2.148.599.673	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho bên khác	10.664.590.031	11.757.697.223
<i>Công ty Cổ phần Kai Investment</i>	5.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn HTM</i>	1.102.509.376	5.753.111.745
<i>Công ty TNHH Trang trí Nội thất Ánh Dương</i>	-	2.072.279.713
<i>Khác</i>	4.562.080.655	3.932.305.765
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	-	50.332.070.867
TỔNG CỘNG	<u>10.664.590.031</u>	<u>62.089.768.090</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu cổ tức	156.888.797.486	1.064.117.314.808
Phải thu lãi tiền gửi	4.588.835.482	5.527.584.135
Tạm ứng đầu tư dự án	3.364.677.659	790.094.378
Phải thu doanh thu từ dịch vụ	568.888.527	559.092.205
Khác	720.031.179	23.281.185
TỔNG CỘNG	<u>166.131.230.333</u>	<u>1.071.017.366.711</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan</i> (<i>Thuyết minh số 27</i>)	157.207.948.170	1.064.271.917.547
<i>Phải thu các bên khác</i>	8.923.282.163	6.745.449.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	11.734.597.518	12.783.284.373	2.621.679.697	2.162.997.600	29.302.559.188
Mua trong kỳ	-	-	47.181.818	1.860.000.000	1.907.181.818
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>11.734.597.518</u>	<u>12.783.284.373</u>	<u>2.668.861.515</u>	<u>4.022.997.600</u>	<u>31.209.741.006</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	5.495.528.463	1.354.991.931	-	6.850.520.394
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.990.719.221	9.460.669.683	1.677.694.548	285.282.974	19.414.366.426
Khấu hao trong kỳ	<u>1.140.712.518</u>	<u>618.537.330</u>	<u>154.212.896</u>	<u>336.133.093</u>	<u>2.249.595.837</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>9.131.431.739</u>	<u>10.079.207.013</u>	<u>1.831.907.444</u>	<u>621.416.067</u>	<u>21.663.962.263</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>3.743.878.297</u>	<u>3.322.614.690</u>	<u>943.985.149</u>	<u>1.877.714.626</u>	<u>9.888.192.762</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>2.603.165.779</u>	<u>2.704.077.360</u>	<u>836.954.071</u>	<u>3.401.581.533</u>	<u>9.545.778.743</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	11.592.038.449	462.410.000	12.054.448.449
và ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>11.592.038.449</u>	<u>462.410.000</u>	<u>12.054.448.449</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	462.410.000	462.410.000
Thế chấp (Thuyết minh số 18)	8.021.047.764	-	8.021.047.764
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.104.307.566	462.410.000	5.566.717.566
Hao mòn trong kỳ	161.000.532	-	161.000.532
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>5.265.308.098</u>	<u>462.410.000</u>	<u>5.727.718.098</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	6.487.730.883	-	6.487.730.883
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>6.326.730.351</u>	<u>-</u>	<u>6.326.730.351</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.048.412.233.942	387.165.049.098	546.453.001	1.436.123.736.041
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	<u>951.257.562.701</u>	<u>397.991.326.030</u>	-	<u>1.349.248.888.731</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>1.999.669.796.643</u>	<u>785.156.375.128</u>	<u>546.453.001</u>	<u>2.785.372.624.772</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	103.612.024.319	233.785.237.644	546.453.001	337.943.714.964
Thế chấp (Thuyết minh số 18)	<u>292.121.236.061</u>	-	-	<u>292.121.236.061</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	516.570.793.187	298.683.924.389	546.453.001	815.801.170.577
Khấu hao trong kỳ	<u>19.080.702.090</u>	<u>7.733.376.408</u>	-	<u>26.814.078.498</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>535.651.495.277</u>	<u>306.417.300.797</u>	<u>546.453.001</u>	<u>842.615.249.075</u>
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>531.841.440.755</u>	<u>88.481.124.709</u>	-	<u>620.322.565.464</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>1.464.018.301.366</u>	<u>478.739.074.331</u>	-	<u>1.942.757.375.697</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí dự án văn phòng cho thuê	12.716.191.536	964.769.070.665
Khác	17.975.581.155	15.855.581.155
TỔNG CỘNG	<u>30.691.772.691</u>	<u>980.624.651.820</u>

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 12.1)	920.568.800.782	719.447.975.803
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 12.1)	(717.348.798)	(823.208.798)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.2)	106.900.000.000	197.000.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>1.026.751.451.984</u>	<u>915.624.767.005</u>
Dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.3)	10.257.829.221.720	10.252.829.221.720
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	<u>10.257.829.221.720</u>	<u>10.252.829.221.720</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.284.580.673.704</u>	<u>11.168.453.988.725</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.1 Chứng khoán kinh doanh

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	696.212.625.000	-	1.062.180.000.000	696.212.625.000	-	991.368.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân Đội (*)	100.868.254.792	-	100.868.254.792	-	-	-	
Công ty Cổ phần Vinhomes (*)	100.252.570.187	-	100.252.570.187	-	-	-	
Các khoản đầu tư khác	23.235.350.803	(717.348.798)	22.518.002.005	23.235.350.803	(823.208.798)	22.412.142.000	
TỔNG CỘNG	920.568.800.782	(717.348.798)	1.285.818.826.984	719.447.975.803	(823.208.798)	1.013.780.142.000	

(*) Các khoản trái phiếu kể trên được nắm giữ vì mục đích kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Tổ chức phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo
		VND		%/ năm		
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Ngân hàng TMCP Quân Đội ("MBB")	100.868.254.792	Ngày 22 tháng 4 năm 2031	Lãi suất thả nổi (1,5) + Lãi suất tham chiếu	Tăng vốn cấp 2	Tín chấp
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty Cổ phần Vinhomes ("VHM")	100.252.570.187	Ngày 25 tháng 3 năm 2027	12%	Tăng quy mô vốn hoạt động	Tín chấp

Ngoài ra, các khoản trái phiếu kể trên đã được thanh lý toàn bộ trong tháng 7 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền gửi ngân hàng và tổ chức tín dụng (*)	76.900.000.000	167.000.000.000
Các khoản đầu tư khác	<u>30.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>106.900.000.000</u>	<u>197.000.000.000</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười ba (13) tháng và thời hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng, hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 4,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.3 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		
	(%)	VND	(%)	VND		
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	91,12	149.997.353.000	91,05	149.997.353.000	TP HCM - Việt Nam	Cơ điện
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	99,99	149.992.500.000	99,99	149.992.500.000	TP HCM - Việt Nam	Điện máy
Công ty TNHH Bất động sản REE	100,00	913.481.172.000	100,00	913.481.172.000	TP HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty Cổ phần Bất động sản REE New City (*)	99,99	150.258.196.720	99,99	145.258.196.720	TP HCM - Việt Nam	Bất động sản
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	100,00	6.000.000.000	100,00	6.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng
Công ty TNHH Năng lượng REE	100,00	7.248.000.000.000	100,00	7.248.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Điện
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	100,00	100.000.000	100,00	100.000.000	TP HCM - Việt Nam	Cơ sở hạ tầng điện
Công ty TNHH Nước sạch REE	100,00	1.630.000.000.000	100,00	1.630.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Cung cấp nước
Công ty TNHH REE Digital	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	TP HCM - Việt Nam	Công nghệ số
TỔNG CỘNG		<u>10.257.829.221.720</u>		<u>10.252.829.221.720</u>		

(*) Vào ngày 22 tháng 1 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của REE New City đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của REE New City bằng việc phát hành thêm 5.778.320 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng vốn điều lệ của REE New City từ 142.216.800.000 VND lên 200.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã cam kết mua thêm toàn bộ số cổ phần phát hành thêm này tương đương với 57.783.200.000 VND, do đó tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty không thay đổi. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình góp thêm vốn điều lệ tại REE New City.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí sửa chữa và cải tạo	2.476.564.705	1.990.589.508
Chi phí khác	663.927.091	439.789.116
TỔNG CỘNG	<u>3.140.491.796</u>	<u>2.430.378.624</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả các bên khác	79.932.281.964	75.163.166.022
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Central</i>	45.795.877.485	60.735.695.874
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại</i>		
<i>Quân Đạt</i>	10.226.070.358	7.123.660.886
<i>Khác</i>	23.910.334.121	7.303.809.262
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	19.024.923.486	19.668.533.415
TỔNG CỘNG	<u>98.957.205.450</u>	<u>94.831.699.437</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.538.266.637	35.198.320.304	(37.824.670.411)	16.911.916.530
Thuế thu nhập cá nhân	446.501.766	15.443.751.538	(15.027.200.816)	863.052.488
Thuế giá trị gia tăng	-	37.146.053.643	(37.146.053.643)	-
Khác	-	826.365.672	(826.365.672)	-
TỔNG CỘNG	<u>19.984.768.403</u>	<u>88.614.491.157</u>	<u>(90.824.290.542)</u>	<u>17.774.969.018</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay	72.319.666.518	75.594.952.327
Chi phí khác	876.160.938	6.561.610.758
TỔNG CỘNG	<u>73.195.827.456</u>	<u>82.156.563.085</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	78.035.887.352	72.483.484.111
Cổ tức phải trả	60.529.223.196	56.066.864.296
Chi phí dịch vụ quản lý	5.573.418.332	7.522.494.338
Các khoản phải trả khác	11.933.245.824	8.894.125.477
Dài hạn	177.144.254.612	169.506.571.112
Nhận đặt cọc tiền thuê văn phòng	177.144.254.612	169.506.571.112
TỔNG CỘNG	<u>255.180.141.964</u>	<u>241.990.055.223</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	249.606.723.632	234.467.560.885
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	5.573.418.332	7.522.494.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vay ngắn hạn	70.714.285.714	-	(70.714.285.714)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18.1)	70.714.285.714	-	(70.714.285.714)	-	-
Vay dài hạn	2.490.086.888.794	88.039.970.381	-	1.914.856.404	2.580.041.715.579
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 18.1)	191.235.452.824	88.039.970.381	-	-	279.275.423.205
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 18.2)	2.298.851.435.970	-	-	1.914.856.404	2.300.766.292.374
TỔNG CỘNG	<u>2.560.801.174.508</u>	<u>88.039.970.381</u>	<u>(70.714.285.714)</u>	<u>1.914.856.404</u>	<u>2.580.041.715.579</u>

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng và trái phiếu thường trong nước chịu lãi suất tương ứng từ 5,88%/năm đến 7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết vay ngân hàng dài hạn thể hiện như sau:

Khoản tín dụng số	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Mô tả tài sản thế chấp
	VND		

Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam

VNM163048VM	279.275.423.205	Ngày 13 tháng 1 năm 2030	Khoản thu từ cho thuê tại Tòa nhà Etown 6, số 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh Quyền sử dụng đất, tòa nhà và khoản thu từ cho thuê tại: - Tòa nhà REE Số 9 Đường Đoàn Văn Bơ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh - 362-366 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh - 61-63 Bà Hom, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - 180 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
-------------	-----------------	-----------------------------	---

TỔNG CỘNG 279.275.423.205

Trong đó:
Vay dài hạn 279.275.423.205
Vay dài hạn đến
hạn trả -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:

<i>Chi tiết trái phiếu</i>	<i>Giá trị</i>
	<i>VND</i>
REE-BOND 2029 (i)	2.318.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(38.297.128.070)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	21.063.420.444
TỔNG CỘNG	<u>2.300.766.292.374</u>
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn trái phiếu	-
Trái phiếu đến hạn trả	2.300.766.292.374

- (i) Vào ngày 28 tháng 1 năm 2019, Công ty đã phát hành 2.318 trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo lãnh thanh toán với tổng giá trị 2.318 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu).

Các trái phiếu này được hoàn trả sau mười (10) năm kể từ ngày phát hành và được mua lại một lần vào ngày đáo hạn.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để (1) Phát triển các dự án bất động sản văn phòng cho thuê trên quỹ đất hiện hữu (khu văn phòng Etown) ở Thành phố Hồ Chí Minh; (2) thanh toán tiền sử dụng đất, mua đất, phát triển thêm quỹ đất nhưng không dùng cho mục đích phát triển quỹ đất ở Khu đô thị mới Thủ Thiêm, quận 2;

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 38.365.168 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà, 32.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Ba Hạ và 24.932.630 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy Điện Mường Hum thuộc sở hữu của Công ty TNHH Năng lượng REE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.564.104.840.000	1.050.233.348.786	(47.622.230.162)	200.979.473.252	5.605.189.279.965	10.372.884.711.841
Cổ tức bằng cổ phiếu	533.037.760.000	-	-	-	(533.037.760.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.149.479.056.663	1.149.479.056.663
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(355.402.569.000)	(355.402.569.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>4.097.142.600.000</u>	<u>1.050.233.348.786</u>	<u>(47.622.230.162)</u>	<u>200.979.473.252</u>	<u>5.866.228.007.628</u>	<u>11.166.961.199.504</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.097.142.600.000	1.050.233.348.786	(47.622.230.162)	200.979.473.252	6.979.489.888.282	12.280.223.080.158
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	612.991.400.000	-	-	-	(612.991.400.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	550.863.099.507	550.863.099.507
Cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	-	(408.706.345.000)	(408.706.345.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>4.710.134.000.000</u>	<u>1.050.233.348.786</u>	<u>(47.622.230.162)</u>	<u>200.979.473.252</u>	<u>6.508.655.242.789</u>	<u>12.422.379.834.665</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2024/ĐHĐCĐ-NQ ngày 29 tháng 3 năm 2024, cổ đông của Công ty đã thông qua việc chia cổ tức 25% cho năm 2023 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, trong đó chi trả cổ tức 10% bằng tiền và 15% bằng cổ phiếu. Theo đó, vào ngày 30 tháng 5 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKDN lần thứ 30 vào ngày 13 tháng 6 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	4.097.142.600.000	3.564.104.840.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	612.991.400.000	533.037.760.000
Số cuối kỳ	<u>4.710.134.000.000</u>	<u>4.097.142.600.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố bằng cổ phiếu	612.991.400.000	533.037.760.000
Cổ tức đã công bố bằng tiền	408.706.345.000	355.402.569.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	404.243.986.100	352.029.359.650

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	471.013.400	409.714.260
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	471.013.400	409.714.260
Cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.007.915)	(1.007.915)
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	470.005.485	408.706.345

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu gộp và doanh thu thuần	<u>369.668.438.733</u>	<u>440.715.418.215</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan</i>	369.668.438.733	370.891.326.358
<i>Doanh thu bán điện và khác</i>	-	69.824.091.857
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên khác</i>	346.544.607.549	265.941.011.707
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	23.123.831.184	174.774.406.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	405.813.672.074	1.011.991.676.262
Lãi tiền gửi	29.999.623.037	49.305.172.702
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	6.506.467.192	9.152.103.634
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.279.001	7.240
TỔNG CỘNG	<u>442.347.041.304</u>	<u>1.070.448.959.838</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê (văn phòng và các dịch vụ có liên quan)	83.546.179.133	80.857.411.508
Giá vốn bán điện và khác	-	51.625.065.977
TỔNG CỘNG	<u>83.546.179.133</u>	<u>132.482.477.485</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	98.339.175.173	154.945.760.764
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	218.261.513	2.710.364
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	57.503.439	58.645.836
	(105.860.000)	201.134.000
Khác	103.111.807	88.025.153
TỔNG CỘNG	<u>98.612.191.932</u>	<u>155.296.276.117</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nhân viên	22.958.687.153	16.204.756.491
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	19.040.773.750	13.501.413.174
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.999.398.065	2.722.847.663
Chi phí khác	316.957.970	528.213.622
TỔNG CỘNG	<u>45.315.816.938</u>	<u>32.957.230.950</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thu từ đền bù hợp đồng	2.582.868.509	572.178.844
Khác	1.291.613	-
TỔNG CỘNG	<u>2.584.160.122</u>	<u>572.178.844</u>

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.361.676.081	75.367.162.708
Chi phí khấu hao và hao mòn	29.224.674.867	73.000.006.355
Chi phí nhân viên	22.958.687.153	16.204.756.491
Chi phí khác	316.957.970	867.782.881
TỔNG CỘNG	<u>128.861.996.071</u>	<u>165.439.708.435</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.198.320.304	40.825.396.531
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.064.032.345	696.119.151
TỔNG CỘNG	<u>36.262.352.649</u>	<u>41.521.515.682</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	587.125.452.156	1.191.000.572.345
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	117.425.090.431	238.200.114.469
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Thu nhập cổ tức không chịu thuế TNDN	(81.162.734.415)	(202.398.335.252)
Các khoản điều chỉnh khác	(3.367)	-
Chênh lệch thuế ưu đãi từ dự án NMDGTV số 3	-	5.719.736.465
Chi phí thuế TNDN	36.262.352.649	41.521.515.682

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	1.064.071.782	(1.064.071.782)	(697.010.856)
Dự phòng đầu tư	250.845.871	250.845.871	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(3.924.204)	(3.963.641)	39.437	891.705
Khác	175.232.188	175.232.188	-	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	422.153.855	1.486.186.200		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(1.064.032.345)	(696.119.151)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty.

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ điện lạnh R.E.E	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Bất động sản REE	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Quản Lý và Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản REE New City	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Đông Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE SE Holdings	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện mặt trời Tân Bình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE SE Ánh Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE SE Hướng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE SE Thái Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Hạ tầng Điện nước Ewaco	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện mặt trời Thái Bình Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Khúc 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió Duyên Hải	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	Công ty con
Công ty TNHH Nước sạch REE	Công ty con
Công ty TNHH TK Cộng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH REE Digital	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước Sạch Sài Gòn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Đầu tư khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Phí xây dựng	164.353.248.000	129.657.356.000
		Thu nhập cổ tức	17.338.546.426	124.396.063.748
		Doanh thu cho thuê	2.509.897.953	2.116.950.200
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê	633.395.010	297.553.849
		Lãi cho vay	164.547.945	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty con gián tiếp	Doanh thu cho thuê	-	342.309.049
		Mua dịch vụ	-	8.605.926
Công ty TNHH Bất động sản REE	Công ty con	Cho vay	58.000.000.000	94.000.000.000
		Lãi cho vay	2.074.520.548	7.285.539.725
		Thu hồi khoản vay	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản REE New City	Công ty con	Góp vốn	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	5.859.985.325	6.036.295.522
Công ty Cổ phần Bất động sản Tân Hải	Công ty con gián tiếp	Chi phí thuê	466.339.439	467.113.538
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Thu nhập cổ tức	40.756.071.718	-
		Phí quản lý	30.345.935.145	28.025.435.347
		Doanh thu cho thuê	17.185.837.960	16.880.701.806
		Phí cải tạo	959.779.000	-
		Phí cung cấp dịch vụ	-	107.776.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty con	Phí bảo trì	36.323.509	-
		Phí dịch vụ	4.699.200	-
		Thu nhập cổ tức	-	500.000.000.000
		Góp vốn bằng tiền	-	30.499.420.000
		Phí quản lý	-	336.000.000
		Phí cung cấp dịch vụ	-	34.694.015
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty con gián tiếp	Cho vay	1.258.000.000.000	-
		Thu hồi khoản vay	818.000.000.000	-
		Lãi cho vay	722.263.014	-
		Thu trái phiếu	-	153.000.000.000
		Thu nhập lãi trái phiếu và lãi cho vay	-	4.732.939.724
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu cho thuê	1.595.053.654	1.143.358.696
		Doanh thu dịch vụ	-	382.248.865
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	-	5.226.999.817
Công Ty TNHH Điện Gió REE Trà Vinh	Công ty con	Góp vốn	-	868.000.000.000
		Phí dịch vụ	-	145.953.368.736
		Thu nhập cổ tức	-	94.902.943.300
		Bán hàng hóa	-	140.617.950
		Doanh thu dịch vụ	-	44.715.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ Thu hồi khoản vay Lãi cho vay	389.952.646 - -	376.573.322 20.000.000.000 184.931.507
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty con gián tiếp	Thu nhập điện mặt trời Doanh thu dịch vụ	- -	31.273.571 2.003.465
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Tín Hiệu Xanh	Công ty con	Giảm vốn góp Thu nhập cổ tức	- -	61.700.000.000 61.300.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	Công ty con	Thu nhập cổ tức Doanh thu dịch vụ	284.414.658.930 41.684.390	209.466.782.714 49.166.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty con	Doanh thu cho thuê	539.999.460	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty con gián tiếp	Doanh thu cho thuê	-	539.999.460
Công ty Cổ phần Bất động sản Song Mai	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	2.176.864.708	3.149.725.410
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	29.053.646	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời REE	Công ty con gián tiếp	Doanh thu dịch vụ	270.000	-
			2.746.187.814	3.689.724.870
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty con	Cho vay	6.600.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	6.600.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ REEPRO	Công ty con gián tiếp	Cho vay	3.087.434.172	-
Công ty TNHH Bất động sản REE	Công ty con	Cho vay	108.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty con gián tiếp	Cho vay	440.000.000.000	-
			557.687.434.172	56.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Chi phí cung cấp dịch vụ cơ điện lạnh	-	50.332.070.867
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Phải thu cổ tức	17.338.546.426	124.396.063.748
Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	319.150.684	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ RMC	Công ty con gián tiếp	Phải thu lãi cho vay	-	154.602.739
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phải thu cổ tức	8.000.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng REE	Công ty con	Phải thu cổ tức	131.550.251.060	939.721.251.060
			157.207.948.170	1.064.271.917.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	(13.434.772.317)	-
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất động sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	<u>(5.590.151.169)</u>	<u>(19.668.533.415)</u>
			<u>(19.024.923.486)</u>	<u>(19.668.533.415)</u>
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Quản lý & Khai thác Bất Động Sản R.E.E	Công ty con	Phí quản lý	<u>(5.573.418.332)</u>	<u>(7.522.494.338)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

		VND	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thù lao của Hội đồng Quản trị		5.490.000.000	5.340.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Chủ tịch	2.370.000.000	2.220.000.000
Ông Alain Xavier Cany	Phó chủ tịch	1.020.000.000	1.020.000.000
Bà Hsu Hai Yeh <i>(bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023)</i>	Thành viên	600.000.000	300.000.000
Ông Huỳnh Thanh Hải	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	-	-
Ông Stephen Patrick Gore <i>(từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2023)</i>	Thành viên	-	300.000.000
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên độc lập	900.000.000	900.000.000
Ông Mark Andrew Hutchinson	Thành viên độc lập	600.000.000	600.000.000
Tiền lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc		10.640.000.000	4.800.000.000
Ông Huỳnh Thanh Hải <i>(từ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2024)</i>	Tổng Giám đốc	7.000.000.000	2.400.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Phó Tổng Giám đốc	1.320.000.000	1.200.000.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Phó Tổng Giám đốc	<u>2.320.000.000</u>	<u>1.200.000.000</u>
TỔNG CỘNG		<u>16.130.000.000</u>	<u>10.140.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

28.1 Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	485.473.985.585	526.615.613.214
Trên 1 – 5 năm	418.575.962.038	581.057.899.901
Trên 5 năm	6.274.736.160	88.682.493.960
TỔNG CỘNG	<u>910.324.683.783</u>	<u>1.196.356.007.075</u>

28.2 Cam kết theo thỏa thuận bảo lãnh thanh toán

Vào ngày 28 tháng 1 năm 2019, Công ty đã ký thỏa thuận với Credit Guarantee and Investment Facility (“CGIF”) – Một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Theo đó, CGIF đã phát hành bảo lãnh thanh toán cho các Chủ sở hữu của 2.318 trái phiếu (Thuyết minh số 18.2) được phát hành bởi Công ty và Công ty cam kết thanh toán khoản phí bảo lãnh là 1,40%/ năm trên tổng giá trị trái phiếu lưu hành trong vòng 10 năm kể từ ngày phát hành.

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết HĐQT số 07/2024/NQ-HĐQT-REE ngày 4 tháng 3 năm 2024, HĐQT của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành 1.007.915 cổ phiếu ESOP cho người lao động từ cổ phiếu quỹ của Công ty. Vào ngày 23 tháng 7 năm 2024, theo Nghị quyết HĐQT số 44/2024/NQ-HĐQT-REE thông qua báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu nói trên.

Ngoài sự kiện nêu trên và đã được trình bày tại Thuyết minh số 12, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thị Ngọc Trang
Người lập



Hồ Trần Diệu Lynh
Kế toán trưởng



Lê Nguyễn Minh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2024